

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2020/DS-PT.

Ngày 15-12-2020.

V/v tranh chấp thừa kế tài sản
và yêu cầu di dời tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp

Bà Phan Thị Mai Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2020/TLPT- DS, ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” và “yêu cầu di dời tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2020/QĐXX-PT, ngày 27 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 341 ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Lê T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 493 đường BL, Khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 340 ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền bị đơn: Ông Nguyễn Lâm Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp R, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn D (Đã chết). Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D: Chị Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng.

2. Bà Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1970 (đã chết); người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà N: Chị Hồ Thị Kim Th1, sinh năm 1993; Chị Hồ Thị Kim Ng, sinh năm 1996; cùng địa chỉ ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng.

3. Bà Huỳnh Thị Th2, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng.

4. Bà Huỳnh Ngọc Th3, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng.

5. Bà Lê Thị Bích Th4, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 3/41B, Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng.

6. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 3/41A, Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng.

7. Anh Huỳnh Anh Ph, sinh năm 2008; địa chỉ: Số 3/41A, Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng.

Đại diện hợp pháp của Anh Ph: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1976; Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975; cùng địa chỉ số 3/41A, Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng.

8. Anh Huỳnh Lâm M, sinh năm 2003; địa chỉ: Số 3/41A, Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện hợp pháp của Anh M: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1976; Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Số 3/41A, Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng.

9. Anh Huỳnh Văn D, sinh năm 2005; địa chỉ: Số 341, Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, vắng.

Đại diện hợp pháp của Anh D: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1973; Bà Lê Thị Bích Th4, sinh năm 1976; cùng trú địa chỉ: Số 341, Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Huỳnh Văn S trình bày: Ông và Ông Huỳnh Văn L là anh em ruột. Cha mẹ ông là cụ Huỳnh Văn Đ (chết năm: 2004) và cụ Nguyễn Thị O (chết năm: 1996) có 06 người con gồm: ông Huỳnh Văn S; Ông Huỳnh Văn D (chết năm 1989), ông D có 01 người con tên Huỳnh Ngọc Th3; Bà Huỳnh Ngọc N (chết năm 2014), bà N có 02 người con tên Hồ Thị Kim Th1 và Hồ Thị Kim Ng; Bà Huỳnh Ngọc Th3; Ông Huỳnh Văn L và Bà Huỳnh Thị Th2; ngoài ra hai cụ không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Khi còn sống cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Nguyễn Thị O tạo lập được tài sản gồm phần đất có diện tích khoảng 43.000 m² và đã chia cho mỗi người con diện tích khoảng 8.0010 m². Ngoài ra cha mẹ ông còn để lại phần đất diện tích 2.951,2 m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh được anh em tạm giao cho ông L đứng tên. Ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007, nhưng nay ông L có ý định chuyển nhượng cho người khác nên ông S yêu cầu chia phần đất này cho các đồng thừa kế theo pháp luật mỗi người 590,2 m² và ông yêu cầu được chia bằng hiện vật.

Theo bản tự khai ngày 13/02/2020, quá trình giải quyết vụ án Ông Huỳnh Văn L trình bày: Thống nhất với phần trình bày của ông S về mối quan hệ gia đình, cha mẹ, hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế; cha mẹ ông không để lại di chúc.

Nguồn gốc phần đất diện tích 2.951,2 m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh do ông được hưởng thừa kế của cha mẹ theo “Tờ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” ngày 17-7-2006, số công chứng 134, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1 Tây Ninh, việc xác lập “Tờ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” do các anh chị em cùng tự nguyện thỏa thuận, không ai ép buộc. Thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với tổng diện tích đất là 22.265 m²; trong đó Bà Th3 không nhận; bà N được hưởng 3.812,8 m²; Bà Th2 được hưởng 3.801 m²; ông S được hưởng 3.882 m²; ông L được hưởng 6.835,2 m²; bà Th được hưởng 4.603 m².

Ngoài “Tờ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” giữa các bên không tồn tại bất kỳ văn bản nào thể hiện phần đất diện tích 2.951,2 m² dùng làm nhà thờ cúng cha mẹ. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S.

Ngoài ra, ông L có đơn phản tố yêu cầu Ông Huỳnh Văn S di dời căn nhà ông S đang ở trên đất và toàn bộ tài sản là chuồng nuôi gia súc, nhà vệ sinh, hiện trạng theo biên bản định giá ngày 02-6-2020 và Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất số 90/SĐ-HT ngày 15-6-2020. Vì hiện nay ông S đang ở trên phần đất của ông được chia, còn đất ông S được chia thì ông S đã bán cho người khác.

- Ông S không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông L, vì đây là tài sản chung do cha mẹ để lại dùng để thờ cúng. Ông xác định căn nhà có diện tích 61,8 m² do cha mẹ ông xây dựng, quá trình sinh sống và quản lý ông có tiến hành sửa chữa. Trường hợp có căn cứ di dời, ông không yêu cầu Ông Huỳnh Văn L phải bồi thường và hỗ trợ.

Bà Huỳnh Thị Th2 trình bày: Bà là em của ông S, ông L; bà thống nhất với phần trình bày của ông S về mối quan hệ gia đình, cha mẹ, hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế; cha mẹ bà không để lại di chúc. Bà xác định ngày 17-7-2006 các anh chị em đã thỏa thuận phân chia di sản của cha mẹ để lại; thỏa thuận được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 Tây Ninh. Bà không có tranh chấp, không yêu cầu gì trong vụ án, nếu phần di sản bà được nhận, bà yêu cầu được nhận theo quy định của pháp luật.

Bà Huỳnh Thị Th3 có phần trình bày và yêu cầu như Bà Th2.

Chị Huỳnh Ngọc Th trình bày: Chị là con của Ông Huỳnh Văn D (chết năm 1989), ông D có 01 người con là chị. Chị thống nhất với phần trình bày của ông S về mối quan hệ gia đình, ông bà, hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế; ông bà không để lại di chúc. Chị xác định ngày 17-7-2006 các đồng thừa kế đã thỏa thuận phân chia di sản của ông bà để lại; thỏa thuận được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 Tây Ninh. Riêng phần của cha chị là ông D khi phân chia di sản do cha chị đã chết nên chị là thừa kế thế vị nhận. Chị xác định không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án, nếu được chia thì chị yêu cầu được nhận theo quy định của pháp luật.

Chị Hồ Thị Kim Th1 và Chị Hồ Thị Kim Ng trình bày: Hai chị là con của Bà Huỳnh Ngọc N (chết năm 2014), mẹ chị có 02 người con là 2 chị. 2 Chị thống nhất với phần trình bày của ông S về mối quan hệ gia đình, ông bà, hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế; ông bà không để lại di chúc. 2 Chị xác định ngày 17-7-2006 các đồng thừa kế đã thỏa thuận phân chia di sản của ông bà để lại; thỏa thuận được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 Tây Ninh. Phần của mẹ chị được chia đã nhận. 2 Chị xác định không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án, nếu được chia thì chị yêu cầu được nhận theo quy định của pháp luật

Bà Nguyễn Thị X, Bà Lê Thị Bích Th4 trình bày: Bà không có tranh chấp và yêu cầu gì trong vụ án, bà yêu cầu được vắng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Anh Huỳnh Anh Ph, Huỳnh Lâm M và Huỳnh Văn D trình bày: Anh không có tranh chấp và yêu cầu gì trong vụ án, anh yêu cầu được vắng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN đã quyết định: Áp dụng Điều 221, 234, 609, 611, 612, 651, 652 và Điều 656 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Văn S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 2.951,2 m², thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp TP, xã TB, thành phố TN.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Huỳnh Văn L, buộc Ông Huỳnh Văn S di dời, tháo dỡ các tài sản trên đất gồm:

- + 01 Chuồng bò có diện tích 26.0 m² (không còn giá trị sử dụng);
- + 01 Chuồng gà có diện tích 4.9 m² (không còn giá trị sử dụng);

Riêng căn nhà có diện tích 61,8 m², kết cấu: Móng gạch, cột gạch, tường xây gạch không tô, nền xi măng, mái tôn, cửa sắt kính là không thể di dời nên giao cho

Ông Huỳnh Văn L là người quản lý và sử dụng. Buộc Ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ bồi thường giá trị căn nhà cho Ông Huỳnh Văn S số tiền 50.737.800 đồng.

Ông Huỳnh Văn S được quyền lưu cư trong thời gian không quá 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận các bên không tranh chấp cây trồng trên đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí đo đạc, định giá; nghĩa vụ thi hành hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24.8.2020 Ông Huỳnh Văn S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông và bác yêu cầu phản tố của ông L.

Ngày 31.8.2020 Ông Huỳnh Văn L kháng cáo yêu cầu ông S di dời tài sản ra khỏi đất nhưng ông không phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: **Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Huỳnh Văn L vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa;** những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do nên **Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.**

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế; hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất cụ Huỳnh Văn Đ (chết năm: 2004) và cụ Nguyễn Thị O (chết năm: 1996) có 06 người con gồm: Ông Huỳnh Văn S; Ông Huỳnh Văn D (chết năm 1989) có 01 người con tên Huỳnh Ngọc Th; Bà Huỳnh Ngọc N (chết năm 2014) có 02 người con tên Hồ Thị Kim Th1 và Hồ Thị Kim Ng; Bà Huỳnh Ngọc Th3; Ông Huỳnh Văn L và Bà

Huỳnh Thị Th2. Như vậy, thời điểm mở thừa kế là năm 1996 và năm 2004, đương sự khởi kiện vào tháng 01/2020 nên thời hiệu yêu cầu chia thừa kế vẫn còn; hàng thừa kế thứ nhất có 06 người; do ông D và bà N chết nên các con được thừa kế thế vị.

[2.2] Về di sản thừa kế: Các bên thống nhất phần đất có diện tích 2.951,2 m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AI 012841, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01242/TB do Ủy ban Nhân dân thị xã TN (nay là thành phố TN), tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 26-3-2007 cho Ông Huỳnh Văn L có nguồn gốc do 02 cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Nguyễn Thị O để lại. Phần đất trên Ông Huỳnh Văn L được chia di sản thừa kế theo “Tờ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” ngày 17-7-2006 và được công chứng ngày 24.8.2006 tại Phòng Công chứng số 1 Tây Ninh.

Theo “Tờ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế” ngày 17-7-2006 thể hiện: các đồng thừa kế thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với tổng diện tích đất là 22.265 m² do cha mẹ để lại: Bà Th3 không nhận; bà N được chia 3.812,8 m²; Bà Th2 được chia 3.801 m²; ông S được chia 3.882 m²; ông L được chia 6.835,2 m²; chị Th (con của ông D) được chia 4.603 m². Sau khi thỏa thuận chia thì các đương sự được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần của ông S đã chuyển nhượng cho người khác; còn ông S vẫn ở trên căn nhà do cha mẹ để lại đã được cật trên phần đất chia cho ông L. Như vậy, di sản của cụ Đ, cụ O đã được các đồng thừa kế tự phân chia xong vào ngày 24.8.2006; nên việc ông S yêu cầu chia di sản là phần đất có diện tích 2.951,2 m² nằm trong phần đất đã chia cho ông L là không có cơ sở.

Ông S có nài ra là ngoài bản phân chia di sản vào ngày ngày 17.7.2006 thì anh chị em còn làm một bản phân chia khác xác định phần đất diện tích 2.951,2 m² dùng vào việc thờ cúng và tạm giao cho ông L đứng tên. Tuy nhiên ông S không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này; các đương sự khác đều khẳng định không còn tờ phân chia nào khác. Hơn nữa, Ủy ban Nhân dân xã TB, thành phố TN cũng xác định không tồn tại bất kỳ văn bản nào thể hiện việc phân đất diện tích 2.951,2 m² thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp TP, xã TB, thành phố TN giao cho Lý sử dụng dùng vào việc thờ cúng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông S không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[2.3] Về yêu cầu phản tố của ông L yêu cầu ông S và gia đình di dời tài sản trả lại đất thuộc quyền sử dụng của ông là có căn cứ.

Đối với căn nhà trên đất, diện tích 61.8 m² do cụ Huỳnh Văn Đ và cụ Nguyễn Thị O xây dựng; hiện do ông S cùng vợ là Bà Lê Thị Bích Th4 và con là Anh Huỳnh Văn D trực tiếp ở và quản lý; quá trình sử dụng ông S có tiến hành sửa chữa. Khi phân chia các bên không đề cập đến căn nhà này mà vẫn đồng ý để cho ông S sử dụng và có công sửa chữa nên cấp sơ thẩm giao căn nhà cho ông L và buộc ông hoàn trả giá trị cho ông S là phù hợp.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[2.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[2.5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Huỳnh Văn S và kháng cáo của Ông Huỳnh Văn L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

2. Căn cứ vào Điều 234, 612, 650 của Bộ luật Dân sự; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Văn S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 2.951,2 m², thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh do Ông Huỳnh Văn L là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Ông Huỳnh Văn L đối với ông S.

- Buộc Ông Huỳnh Văn S di dời, tháo dỡ hoặc phá bỏ các tài sản trên thửa đất số 83, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp TP, xã TB, thành phố TN, gồm:

+ 01 Chuồng bò có diện tích 26.0 m² (không còn giá trị sử dụng);

+ 01 Chuồng gà có diện tích 4.9 m² (không còn giá trị sử dụng);

- Ông Huỳnh Văn L được sở hữu căn nhà có diện tích 61,8 m² nằm trên đất của ông.

- Ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ bồi thường giá trị căn nhà cho Ông Huỳnh Văn S số tiền 50.737.800 (năm mươi triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn) đồng.

- Ông Huỳnh Văn S được quyền lưu cư trong thời gian không quá 03 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận các bên không tranh chấp cây trồng trên đất.

4. Chi phí đo đạc, định giá: Ông Huỳnh Văn S phải chịu số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng. Ghi nhận Ông Huỳnh Văn S đã nộp xong.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Huỳnh Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ông Huỳnh Văn L số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

đã nộp tại Biên lai thu số 0000167 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Huỳnh Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần Tòa án bác đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế; Ông S phải chịu số tiền 300.000 đồng theo phần yêu cầu phản tố của Ông Huỳnh Văn L được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả lại cho Ông Huỳnh Văn S số tiền 4.700. 000 (bốn triệu bảy trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 0002213 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; ghi nhận đã nộp tại biên lai thu số 0000493, ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Ông Huỳnh Văn S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, ghi nhận đã nộp tại biên lai thu số 0000485, ngày 27/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND. TPTN;
- CCTHADS. TPTN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đỗ Văn Thịnh